

Số: 52/2026/DS-ST
Ngày 06 - 5 - 2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 371/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2026/QĐST-DS ngày 16/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: C T, Tổ H phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1996, địa chỉ: Tổ D phường C, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền có chứng nhận của Văn phòng C số công chứng 001789/2026/CCGD ngày 15/4/2026). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974, địa chỉ: H N, Tổ H phường A, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: K M, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng P trình bày:**

Bà có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), lãi suất

3%/tháng theo Giấy vay tiền ngày 26/10/2022. Từ ngày 26/10/2022 đến 04/8/2025 bà N đã trả lãi cho bà được 671.000.000đ, tức là chỉ trả lãi sấp xỉ 2,025%/tháng chứ không phải 3% như thỏa thuận. Thời hạn vay không quy định.

Do bà N không trả gốc, lãi như thỏa thuận nên 2 bên thống nhất viết lại Giấy xác nhận ngày 16/6/2025 hủy bỏ Giấy vay tiền ngày 26/10/2022. Giấy xác nhận ngày 16/6/2025 có nội dung: Bà N xác nhận có mượn của bà 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), có thể chấp sổ nhà H N, phường A, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 789477, sổ vào sổ CTs150828 cấp 2018, đứng tên ông Nguyễn Ngọc P1, bà Nguyễn Thị N; thời gian trả: Trong tháng 6 trả 500.000.000đ; còn lại hẹn được chia tài sản nhà 89 N, thành phố Đà Nẵng; xin không trả lãi; đến tháng 7/2026 âm lịch sẽ trả hết.

Tuy nhiên, bà N không thực hiện đúng cam kết trong tháng 6/2025 không trả cho bà 500.000.000đ.

Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, bà Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán tổng số tiền là 1.066.666.667đ (Một tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 1.000.000.000đ, nợ lãi từ ngày 05/8/2025 đến 05/12/2025, lãi suất 20%/năm 66.666.667đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn trả nợ lãi từ ngày 05/8/2025 đến 05/12/2025, lãi suất 20%/năm 66.666.667đ.

*** Tại Bản tự khai ngày 14/11/2025, quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Bà xác nhận có vay của bà Đỗ Thị T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), lãi suất 3%/tháng theo Giấy vay tiền ngày 26/10/2022, thời hạn vay không quy định. Bà vay số tiền này để đầu tư đất đai.

Tuy nhiên, hai bên thống nhất viết lại Giấy xác nhận ngày 16/6/2025 hủy bỏ Giấy vay tiền ngày 26/10/2022. Bà xác nhận đã trả lãi cho bà T được 671.000.000đ.

Nay bà xin bà T trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ đến tháng 7/2026 là hết và xin không tính lãi như Giấy xác nhận ngày 16/6/2025.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T số tiền yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả nợ lãi từ ngày 05/8/2025 đến 05/12/2025, lãi suất 20%/năm là 66.666.667đ (Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Về việc bà N có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 789477, số vào sổ CTs150828 cấp 2018, đứng tên ông Nguyễn Ngọc P1, bà Nguyễn Thị N cho bà T: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này do bà T không giữ bản chính hay sao hoặc phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên không có cơ sở tin báo về giấy tờ giả.

Và tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bà Nguyễn Thị N có địa chỉ tại H N, Tở H phường A, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: K M, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 26/10/2022, bà Nguyễn Thị N có vay bà Đỗ Thị T số tiền

1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo Giấy vay tiền. Do bà N không trả gốc, lãi như thỏa thuận nên 2 bên thống nhất viết lại Giấy xác nhận ngày 16/6/2025 hủy bỏ Giấy vay tiền ngày 26/10/2022.

Giấy xác nhận ngày 16/6/2025 có nội dung: Bà N xác nhận có mượn của bà 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), có thế chấp sổ nhà H N, phường A, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 789477, sổ vào sổ CTs150828 cấp 2018, đứng tên ông Nguyễn Ngọc P1, bà Nguyễn Thị N; thời gian trả: Trong tháng 6 trả 500.000.000đ; còn lại hẹn được chia tài sản nhà 89 N, thành phố Đà Nẵng; xin không trả lãi; đến tháng 7/2026 âm lịch sẽ trả hết.

Như vậy, Giấy xác nhận nêu trên giữa hai bên tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp; hai bên xác định thời hạn trả nợ, không lãi suất nên đây là Hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, không lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình tố tụng, bà N có trình bày và xác nhận sự việc vay tiền bà T như trên. Bà N, bà T còn xác nhận theo Giấy vay tiền ngày 26/10/2022 thì từ ngày 26/10/2022 đến 04/8/2025 bà N đã trả lãi cho bà T được 671.000.000đ, sau đó bà T cung cấp các tài liệu, chứng cứ là bà N trả được 660.000.000đ chứ không phải 671.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó bà N, bà T đã thống nhất viết lại Giấy xác nhận ngày 16/6/2025. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét số tiền lãi đã trả của Giấy vay tiền ngày 26/10/2022 mà xem xét, giải quyết số tiền vay theo Giấy xác nhận ngày 16/6/2025.

Do bà N không thực hiện việc trả nợ theo Giấy xác nhận ngày 16/6/2025 nên bà T yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ gốc đã vay là 1.000.000.000đ. Bà N chưa trả cho bà T là vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tuyết B bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho bà Đỗ Thị T số tiền 1.000.000.000đ là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện trả nợ lãi:

Bà T rút yêu cầu khởi kiện buộc bà N phải trả phí nợ lãi từ ngày 05/8/2025 đến 05/12/2025, lãi suất 20%/năm là 66.666.667đ (Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.3] Về việc khi vay bà N có thế chấp sổ nhà H N, phường A, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 789477, sổ vào sổ CTs150828 cấp 2018, đứng tên ông Nguyễn Ngọc P1, bà Nguyễn Thị N:

Bà T trình bày trong đơn khởi kiện là nghi ngờ và kiểm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N giao cho bà để làm tin vay tiền thì phát hiện đây là giấy tờ giả. Tuy nhiên, bà không giữ bản chính hay sao hoặc phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Đồng thời, bà yêu cầu khởi kiện dân sự và không đề nghị Tòa án đưa chồng bà Nguyễn Thị N là ông Nguyễn Ngọc P1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 357, 463 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Đỗ Thị T đối với bà Nguyễn Thị N.

1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho bà Đỗ Thị T số tiền gốc còn nợ là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T về việc buộc bà Nguyễn Thị N phải trả phí nợ lãi từ ngày 05/8/2025 đến 05/12/2025, lãi suất 20%/năm là 66.666.667đ (Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000đ (*Bốn mươi hai triệu đồng*) bà Nguyễn Thị N phải chịu.

Do bà Đỗ Thị T là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí nên Tòa án không phải hoàn trả cho bà Đỗ Thị T số tiền tạm ứng án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06/5/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;

- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng,

- Thi hành án dân sự khu vực

3 - Đà Nẵng;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị D



